

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 23-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hiền.

2. Ông Trần Quang Tứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: 1/ Ông Nguyễn Văn Triều - Kiểm sát viên.

2/ Ông Huỳnh Văn Thạo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 08/5/2023 đối với bị cáo:

Lê Hoàng G, sinh ngày 03/8/1998; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 045/TK, ấp T, xã T, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Trần Thị H; Vợ, con: Chưa có; Có 01 anh, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 9 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình và sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị tạm giam từ ngày 10/01/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

- Bị hại: Trần Thị P, sinh năm 1974; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị H, sinh năm 1969; (có mặt)

Nơi cư trú: Số 045/TK, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

1. Lê Tấn L, sinh năm 1996; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Phạm Võ Bích N, sinh năm 1999; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Nguyễn Thị HA, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 40 phút ngày 07/01/2023, Lê Hoàng G – sinh ngày 03/8/1998 cư ngụ số 045/TK, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô biển số 71B2-374.97 nhãn hiệu DREAM màu nâu (xe thuộc sở hữu của bà Trần Thị H - mẹ ruột G) theo hướng từ lộ bê tông thuộc ấp G, xã A, huyện B ra lộ bê tông ấp GS, xã A, huyện B thì thấy bà Trần Thị P – sinh năm 1974 ngụ ấp G, xã A, huyện B đang điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu xám đang lưu thông ngược chiều trên cỏ có đeo sợi dây chuyền nên G nảy sinh ý định cướp giật. Thực hiện ý định, G quay xe lại và chạy theo bà P một đoạn rồi điều khiển xe áp sát bên trái xe mô tô của bà P rồi dùng tay trái điều khiển xe, tay phải giật mạnh sợi dây chuyền của bà P sau đó tăng ga chạy ra lộ nhựa xã A và chạy về nhà anh ruột là Lê Tấn L - sinh năm 1996, ngụ ấp A, xã A, huyện B. Tại nhà của Lê Tấn L, G đổi xe DREAM lấy xe EXCITER của L, bỏ lại áo khoác, mũ bảo hiểm sau đó điều khiển xe EXCITER về nhà mẹ ruột tại ấp T, xã Tân H, huyện B. Đến khoảng hơn 16 giờ 45 phút cùng ngày, G điều khiển xe EXCITER đến tiệm vàng Anh Dũng tại ấp AĐ, xã A, huyện B bán sợi dây chuyền cho bà Nguyễn

Thị H được 15.600.000 đồng, G tiêu xài hết 5.000.000 đồng, số tiền còn lại G làm rơi mất trong lúc điều khiển xe mô tô trên đường. Sau đó G bị Cơ quan chức năng mời làm việc và thừa nhận hành vi cướp giật tài sản.

Vật chứng thu giữ (chưa xử lý) gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM, màu nâu đã cũ, số máy VHULC150FMG-100002575, số khung VTRPCG00425000475, biển số 71B2-374.97;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1 867977050573139, số IMEI 2 867977050573121;

- 01 mũ bảo hiểm màu đen, loại mũ lưỡi trai, phần trước mũ có in ký tự “CKC-CHUN KUA” màu trắng đỏ; 01 áo sơ mi dài tay sọc vuông, màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, phần cổ áo có gắn nhãn ký tự “MR”; 01 quần dài kiểu quần tây màu đen;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 013778;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18K trị giá 17.550.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSBT ngày 17/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre truy tố Lê Hoàng G về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Hoàng G về tội “Cướp giật tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng G từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bà Trần Thị H là mẹ ruột bị cáo đã bồi thường thay bị cáo số tiền 18.900.000 đồng cho bị hại bà Trần Thị P; phía bị hại bà Trần Thị P không yêu cầu bồi thường thêm và ghi nhận bà H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà H đã bồi thường cho bị hại bà Trần Thị P.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đen, loại mũ lưỡi trai, phần trước mũ có in ký tự “CKC-CHUN KUA” màu trắng đỏ; 01 áo sơ mi dài tay sọc vuông, màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, phần cổ áo có gắn nhãn ký tự “MR”; 01 quần dài kiểu quần tây màu đen do bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1 867977050573139, số IMEI 2 867977050573121. Đây là tài sản không liên quan đến việc cướp giật tài sản của bị cáo.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H: 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM, màu nâu đã cũ, số máy VHULC150FMG-100002575, số khung VTRPCG00425000475, biển số 71B2-374.97 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 013778. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Huệ và bà Huệ không biết việc bị cáo lấy xe đi cướp giật tài sản.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng G đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật sợi dây chuyền vàng 18K của bà Trần Thị P như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị P trình bày: Lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa là đúng sự thật. Mẹ bị cáo là bà Trần Thị H đã thỏa thuận bồi thường xong cho bà số tiền 18.900.000 đồng nên về trách nhiệm dân sự bà không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào. Về trách nhiệm hình sự, bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà không có ý kiến tranh luận.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà là mẹ ruột bị cáo, việc bị cáo phạm tội bà không biết đến khi được lực lượng Công an thông báo. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 71B2-374.97 của bà đi thực hiện hành vi phạm tội bà không biết. Quá trình điều tra bà có giao nộp cho cơ quan điều tra giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 013778. Bà

xin được nhận lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô trên. Ngoài ra, bị cáo có tác động bà bồi thường cho bà Trần Thị P số tiền 18.900.000 đồng. Bà Trần Thị H cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 18.900.000 đồng mà bà H đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo. Đây là sự tự nguyện của bà. Bà không có ý kiến tranh luận.

Do bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, người này đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra, đồng thời bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tiến hành tố tụng khác không có ý kiến gì về việc vắng mặt của người làm chứng. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng nêu trên vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Lê Hoàng Giang là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên bị cáo Lê Hoàng Giang đã có hành vi dùng xe mô tô biển số 71B2-374.97 cướp giật sợi

dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18K trị giá 17.550.000 đồng của bà Trần Thị Pha đang chạy xe trên đường; vụ việc xảy ra vào khoảng 10 giờ 50 phút ngày 07/01/2023 tại ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Hoàng G về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi cướp giật tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc cướp giật tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo là do bản tính tham lam, tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, sản xuất cuối cùng đã đưa bị cáo đi vào con đường phạm tội. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và HĐXX xét thấy cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù giam mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có ông nội Lê Văn Lư được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Do bị hại và mẹ bị cáo là bà Trần Thị H đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 18.900.000 đồng nên bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận bồi thường này là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

- Đối với bà Trần Thị H là mẹ bị cáo, tại phiên tòa, bà H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 18.900.000 đồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đen, loại mũ lưỡi trai, phần trước mũ có in ký tự “CKC-CHUN KUA” màu trắng đỏ; 01 áo sơ mi dài tay sọc vuông, màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, phần cổ áo có gắn nhãn ký tự “MR”; 01 quần dài kiểu quần tây màu đen. Tại tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1 867977050573139, số IMEI 2 867977050573121. Đây là tài sản không liên quan đến việc cướp giật tài sản của bị cáo nên HĐXX xét thấy trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM, màu nâu đã cũ, số máy VHULC150FMG-100002575, số khung VTRPCG00425000475, biển số 71B2-374.97 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 013778. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà H và bà H không biết việc bị cáo lấy xe đi cướp giật tài sản nên HĐXX xét thấy trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Đối với Lê Tấn L đổi xe EXCITER cho bị cáo G sau khi cướp giật và Nguyễn Thị H mua sợi dây chuyền vàng do bị cáo G cướp giật được, xét thấy L và H đều không biết việc bị cáo G cướp giật tài sản nên không đặt vấn đề xử lý là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng G phạm “Tội cướp giật tài sản”.
2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;
Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G 03 (Ba) năm tù.
Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 10/01/2023.
3. Về trách nhiệm dân sự:
 - Ghi nhận bà Trần Thị H và bà Trần Thị P đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 18.900.000 đồng nên bà Trần Thị P không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.
 - Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 18.900.000 mà bà đã bỏ ra bồi thường cho bị hại Trần Thị P thay cho bị cáo.
4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:
 - + Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đen, loại mũ lưỡi trai, phần trước mũ có in ký tự “CKC-CHUN KUA” màu trắng đỏ; 01 áo sơ mi dài tay sọc vuông, màu trắng đen; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, phần cổ áo có gắn nhãn ký tự “MR”; 01 quần dài kiểu quần tây màu đen.
 - + Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1 867977050573139, số IMEI 2 867977050573121.
 - + Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H: 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM, màu nâu đã cũ, số máy VHULC150FMG-

100002575, số khung VTRPCG00425000475, biển số 71B2-374.97 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 013778.

(Theo phiếu nhập kho số NKT.V.17 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Lê Hoàng G nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Ngãi Tây (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Tài